

Bản án số: 01/2020/HS-ST
Ngày 07- 01- 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- ***Thẩm phán*** - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền
- ***Các Hội thẩm nhân dân:***
 - + Bà Nguyễn Thị Thương
 - + Bà Dương Thị Được
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Hoàn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Minh Quế- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: N), sinh năm: 1993 tại Bà Rịa- Vũng Tàu; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu phố L, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Văn C, sinh năm 1972; Mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; Vợ: Lê Anh Đ, sinh năm 1993; có 01 con sinh năm 2010.

Nhân thân: Ngày 25/12/2012, Nguyễn Văn T bị Ủy ban nhân dân huyện Đ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 3288/QĐ-UBND (chấp hành xong ngày 26/12/2014).

Bị bắt: 9/10/2019 (Có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

Bà Võ Thị Thu H- sinh năm 1971; địa chỉ: Khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Võ Quỳnh L - sinh năm 1994; địa chỉ: khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (Vắng mặt)

- **Người làm chứng:** Bà Phạm Thị Mộng H- sinh năm 1985; địa chỉ: Khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 07/10/2019, Nguyễn Văn T đi bộ từ nhà ra tỉnh lộ 44, khi đi ngang qua nhà bị hại Võ Thị Thu H thì T phát hiện có 01 xe Yamaha hiệu Sirius màu đỏ đen biển số 72H1-200.36 dựng trước nhà không có người trông coi. Vì vậy, T đã nảy sinh ý định lấy trộm tài sản. Liên sau đó, T lên vào nhà chị H rồi dắt xe ra đẩy nhanh về cất giấu ở bụi cây phía trước nhà của bà Phạm Thị Mộng M. Sau đó, T đã đem tháo rời các bộ phận của xe nhằm mục đích không bị chủ sở hữu phát hiện. Đến 20 giờ 30 phút cùng ngày bà H phát hiện mất xe và trình báo Công an. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như vừa nêu trên.

Tại biên bản kết luận định giá tài sản số: 43/HĐĐG ngày 09/10/2019, của Hội đồng định giá tài sản huyện Đất Đỏ kết luận: 01 xe Yamaha hiệu Sirius màu đỏ đen biển số 72H1-200.36 có giá trị còn lại là 10.500.000 đồng.

Tại cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát huyện Đ truy tố bị cáo T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố phát biểu quan điểm luận tội như sau:

Về tội danh và hình phạt: Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự tuyên bố Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và xử phạt T từ 9 tháng đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại về số tiền bồi thường để sửa chữa tài sản là 1.650.000đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng, thống nhất với bản luận tội, không có ý kiến tranh luận với Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi của bản thân là sai và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về tố tụng:** Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Đất Đỏ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đối chiếu với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và những người tham gia tố tụng khác cũng như các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ là phù hợp. Từ đó, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 7 tháng 10 năm 2019, tại nhà của bị hại Võ Thị Thu H trực thuộc khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đ, Nguyễn Văn T đã có hành vi lén lút lén vào nhà lấy của bà H 01 chiếc xe Yamaha hiệu Sirius màu đỏ đen biển số 72H1-200.36 rồi đem đi cất giấu ở bụi cây phía trước nhà bà Phạm Thị Mộng M. Sau đó, bị cáo đã tháo rời từng bộ phận của xe bà H ra nhằm dễ dàng tiêu thụ mà không bị chủ sở hữu phát hiện.

Căn cứ theo biên bản kết luận định giá tài sản số: 43/HĐĐG ngày 09/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ thì chiếc xe Yamaha hiệu Sirius màu đỏ đen biển số 72H1-200.36 trị giá là 10.500.000 đồng.

Như vậy, hành vi như nêu trên của Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] *Về tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:*

Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi vi phạm pháp luật, có nhân thân xấu đã được Ủy Ban nhân dân huyện Đ cho đi chữa bệnh bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng sau khi chấp hành xong lại về tiếp tục tái nghiện và lao vào con đường trộm cắp tài sản nhằm có tiền thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

4.1: *Về tình tiết tăng nặng:* Không có

4.2: *Về tình tiết giảm nhẹ:* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] *Về vật chứng:* Đã xử lý xong

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Trước khi mở phiên tòa, bị cáo và bị hại đã thỏa thuận được với nhau về các khoản tiền bồi thường chi phí sửa chữa tài sản là

1.650.000 đồng (Một triệu sáu trăm năm chục ngàn đồng). Xét, sự thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[7] *Về các vấn đề khác:* Đối với bà Phạm Thị Mộng M không biết T trộm xe rồi đem cất giấu ở bụi cây trước nhà nên không xem xét xử lý là đúng quy định pháp luật.

[8] *Về án phí:*

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét bị cáo và bị hại thỏa thuận nhau về mức bồi thường trước khi mở phiên tòa, tại phiên tòa chỉ đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận nên theo quy định tại điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội thì không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: N) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Văn T 10 (Mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 9 tháng 10 năm 2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015, ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau:

Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường cho bà Võ Thị Thu H số tiền chi phí sửa chữa là 1.650.000đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (7/01/2020), bị cáo, bị hại có quyền làm đơn kháng cáo, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được

tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Công an tỉnh BR-VT;
- Sở tư pháp tỉnh BR-VT;
- Công an huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

